

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính Nhà nước
giai đoạn 2011 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm
giai đoạn 2021 - 2030**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

UBND huyện đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 30c/NQ-CP, Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 22/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020, Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020 và các văn bản khác có liên quan đến công tác cải cách hành chính (CCHC) của Trung ương, của tỉnh. Công tác tuyên truyền được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như Đài truyền thanh, truyền hình của huyện, hệ thống phát thanh cấp xã, Cổng thông tin điện tử huyện và kết hợp tại các hội nghị tổng kết, sơ kết, các cuộc họp giao ban... của UBND huyện, của từng ngành. Nhìn chung, công tác phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2011-2020 được thực hiện thường xuyên, sâu rộng, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác CCHC đến sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020, Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020, UBND huyện đã ban hành kế hoạch công tác CCHC Nhà nước giai đoạn 2011-2015, giai đoạn 2015-2020. Hàng năm, căn cứ Kế hoạch của tỉnh, UBND huyện đều ban hành kế hoạch công tác CCHC để cụ thể hóa nhiệm vụ; trong đó, xác định rõ nội dung, nhiệm vụ, giao trách nhiệm, thời gian hoàn thành và nguồn lực để thực hiện.



UBND huyện đã xây dựng, ban hành các kế hoạch riêng theo từng lĩnh vực của CCHC như: Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, Kế hoạch triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin,... Bên cạnh việc ban hành các kế hoạch, UBND huyện thường xuyên ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn kịp thời về công tác CCHC; nội dung kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện công tác CCHC là nội dung bắt buộc trong các kỳ họp giao ban hàng tháng của UBND huyện.

UBND huyện đặc biệt quan tâm bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ công tác CCHC. Nhìn chung đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác CCHC của huyện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở giao nhiệm vụ đầu năm theo kế hoạch, UBND huyện bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

Trên cơ sở Bộ chỉ số CCHC, UBND huyện triển khai đến các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC và chủ động tổng hợp gửi cấp trên thẩm định theo đúng thời gian quy định. Kết quả xếp hạng chỉ số CCHC của huyện Đak Pơ: Năm 2015 xếp thứ 9/17; năm 2016 xếp thứ 5/17; năm 2017 xếp thứ 15/17; năm 2018 xếp thứ 5/17 và năm 2019 xếp thứ 3/17 các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Hằng năm, UBND huyện tổ chức họp đánh giá, kiểm điểm rút kinh nghiệm việc thực hiện chỉ số CCHC; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị nghiêm túc kiểm điểm, xây dựng giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm để nâng cao hiệu quả chỉ số CCHC trong những năm tiếp theo.

Công tác CCHC là một tiêu chí bắt buộc trong việc đánh giá, xếp loại và bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm đối với các tập thể, cá nhân.

2. Kiểm tra việc thực hiện

Hằng năm, UBND huyện đều xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, Quyết định thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn thuộc huyện. Qua đó, Đoàn kiểm tra đã trực tiếp hướng dẫn tháo gỡ những vướng mắc và kiến nghị những nội dung cần khắc phục sau kiểm tra; có văn bản báo cáo UBND huyện về kết quả kiểm tra để chỉ đạo chấn chỉnh, thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ công tác CCHC trên địa bàn huyện.

Thông qua kiểm tra đã đánh giá được ưu điểm, hạn chế, tồn tại của các cơ quan, đơn vị trong quá trình ban hành và thực hiện kế hoạch CCHC hằng năm, đặc biệt là việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ của tổ chức, cá nhân; các cơ quan, đơn vị được kiểm tra nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, thường xuyên tự kiểm tra, kiểm soát nội bộ để hạn chế thấp nhất sai sót trong thi hành công vụ.

Bên cạnh đó, UBND huyện đã thành lập Đoàn kiểm tra giờ giấc làm việc và đi kiểm tra thường xuyên, đột xuất tại các cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn.

3. Thông tin, tuyên truyền

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm được lãnh đạo huyện, cấp xã quan tâm thực hiện. Hằng năm, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC đúng thời gian quy định, kế hoạch đã xác định nội dung, hình thức, thông tin tuyên truyền phù hợp với Chương trình CCHC Nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ, của tỉnh, huyện.

Công tác tuyên truyền CCHC được thực hiện dưới nhiều hình thức như: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC trên Công thông tin điện tử của huyện, thường xuyên đăng tải các tin, bài, hoạt động CCHC trên địa bàn huyện; Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể Thao huyện xây dựng chuyên mục, phóng sự, tin tức CCHC (01 chuyên mục/tháng); các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã lồng ghép thông tin về CCHC trong các buổi giao ban, họp định kỳ của cơ quan, địa phương; lồng ghép việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại các buổi họp dân. Hằng năm, UBND huyện đều tổ chức các lớp tập huấn công tác CCHC. Năm 2019, UBND huyện đã tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu về công tác CCHC”

Thông qua công tác thông tin, tuyên truyền, cán bộ, công chức, viên chức có nhận thức đầy đủ các mục tiêu, nội dung về trách nhiệm của mình trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

a) Mặt tích cực đạt được

Dưới sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, công tác CCHC của huyện được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, hệ thống thể chế ngày càng hoàn thiện, phù hợp, bộ máy các cơ quan hành chính hoạt động hiệu quả, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được nâng cao rõ rệt. Công dân, tổ chức, doanh nghiệp được tạo điều kiện thuận lợi hơn trong tiếp xúc, giải quyết công việc với cơ quan hành chính. Tính hiện đại, minh bạch, công khai của nền hành chính được nâng lên, tạo được lòng tin trong nhân dân, sự đồng thuận của xã hội.

b) Tôn tại, hạn chế

- Công tác tuyên truyền đã được triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục nhưng chưa có hình thức sinh động, trực quan nên hiệu quả chưa cao.

- Kinh phí bố trí cho CCHC còn hạn chế, đặc biệt khó khăn trong việc trang bị, nâng cấp trang thiết bị máy móc hiện đại.

- Sự phối hợp giữa các ngành, các địa phương chưa thực sự nhịp nhàng; công tác chỉ đạo, điều hành ở một số lĩnh vực còn lúng túng, chưa mang lại hiệu quả thiết thực.

c) Nguyên nhân:

- Đak Pơ là huyện thuần nông, điều kiện kinh tế, xã hội còn gặp nhiều khó khăn, công tác xã hội hóa rất khó thực hiện, kinh phí cho đầu tư và hoạt động phụ thuộc chủ yếu vào nguồn ngân sách cấp trên phân bổ.

- Nhận thức và tinh thần, trách nhiệm của một bộ phận CBCCVC còn hạn chế về mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ công tác CCHC.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế:

a) Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật:

- Kết quả ban hành văn bản QPPL từ năm 2011-2020:

Từ năm 2011-2020, Huyện Đak Pơ đã ban hành 51 văn bản QPPL (Trong đó: 20 Nghị quyết; 31 Quyết định).

Hàng năm, thực hiện nhiệm vụ rà soát thường xuyên văn bản QPPL do HĐND, UBND huyện ban hành từ ngày thành lập huyện (năm 2004) cho đến nay, qua đó đã loại bỏ những văn bản không còn hiệu lực thi hành. Tính đến nay (ngày 30/9/2019) số văn bản QPPL đang còn hiệu lực thi hành trên địa bàn huyện là 12 văn bản (gồm 02 NQ và 10 QĐ).

Việc ban hành văn bản QPPL trên địa bàn huyện đảm bảo về mặt thể thức và nội dung, đảm bảo tính hợp Hiến, hợp pháp và có tính khả thi trên thực tế. Thông qua việc thực hiện thường xuyên, chặt chẽ, đúng quy định công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL sau khi được ban hành, giúp loại bỏ kịp thời những quy định chồng chéo, mâu thuẫn, không phù hợp hoặc trái pháp luật, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật ở địa phương, đảm bảo tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

- Kết quả đạt được trong việc thực hiện quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL theo Luật ban hành văn bản QPPL:

Việc ban hành văn bản QPPL trên địa bàn huyện tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL; Văn bản QPPL của HĐND, UBND huyện được ban hành đều phải trải qua các bước: soạn thảo dự thảo, lấy ý kiến góp ý; thẩm định, chỉnh lý, hoàn chỉnh dự thảo; họp thông qua dự thảo; ký ban hành văn bản.

Việc ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND huyện tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL giúp cho văn bản QPPL được ban hành đảm bảo về mặt thể thức và nội dung; đảm bảo tính hợp Hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật và tính khả thi trên thực tế, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung.

- Kết quả đạt được qua công tác kiểm tra, giám sát và xử lý văn bản QPPL:

Trên cơ sở kết quả tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền, từ năm 2011 đến nay, UBND huyện đã xử lý 10 văn bản QPPL (10 Quyết định) có dấu hiệu trái pháp luật do UBND huyện ban hành; HĐND các xã, thị trấn đã xử lý 25 văn bản QPPL (25 Nghị quyết) do HĐND các xã, thị trấn ban hành có dấu hiệu trái pháp luật. Nội dung trái pháp luật chủ yếu là về thẩm quyền ban hành, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Hàng năm, HĐND huyện đều đưa công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL vào nội dung, chương trình giám sát của HĐND huyện.

Việc thực hiện thường xuyên, đúng quy định công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL, giúp cho văn bản QPPL trên địa bàn huyện sau khi ban hành được đảm bảo về mặt thể thức, nội dung, đảm bảo tính hợp Hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật và tính khả thi trên thực tế; Thông qua hoạt động giám sát văn bản QPPL của HĐND huyện giúp cho văn bản QPPL của HĐND, UBND huyện sau khi ban hành được triển khai thực hiện.

b) Công tác theo dõi, tổ chức thi hành pháp luật:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thi hành pháp luật:

Các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương luôn chú trọng công tác chỉ đạo, lãnh đạo, hướng dẫn thi hành pháp luật, góp phần đưa các quy định của pháp luật đi vào đời sống nhân dân. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Thông tư số 03/2012/TT-BTP ngày 03/3/2010 của Bộ Tư pháp hướng dẫn

thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (đã được thay thế bởi Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ Tư pháp).

Hàng năm, UBND huyện đều ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện để tổ chức thực hiện, trong đó, xác định những lĩnh vực trọng tâm cần theo dõi.

- Công tác xử lý vi phạm pháp luật:

Công tác xử lý vi phạm pháp luật được thực hiện nghiêm túc, đúng pháp luật, qua đó, góp phần răn đe, giáo dục pháp luật, nâng cao tính thực thi pháp luật, chấp hành pháp luật, đưa các quy định của pháp luật đi vào đời sống nhân dân. Xử lý vi phạm hành chính là một trong những biện pháp góp phần ổn định đời sống kinh tế, xã hội, an ninh chính trị, làm cho đời sống của nhân dân trên địa bàn huyện ngày càng đi vào nề nếp và trật tự hơn.

- Công tác tuyên truyền, PBGDPL:

Để triển khai thực hiện văn bản pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND cùng cấp, hàng năm, UBND huyện đều tổ chức Hội nghị phổ biến, triển khai nội dung các văn bản pháp luật mới; ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành nghiêm chỉnh thực hiện đúng quy định của pháp luật; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, từng ngành tổ chức quán triệt, triển khai nội dung các văn bản pháp luật có liên quan đến ngành, lĩnh vực mình phụ trách trong các cuộc họp nội bộ cơ quan, để cán bộ công chức, viên chức, người lao động thực hiện đúng quy định của pháp luật trong quá trình thực thi công vụ của mình.

Triển khai thực hiện các văn bản pháp luật sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân và cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện, UBND huyện đã thành lập, kiện toàn Hội đồng phối hợp PBGDPL của huyện, thường xuyên củng cố đội ngũ Báo cáo viên pháp luật, đồng thời chỉ đạo các xã, thị trấn thành lập Hội đồng phối hợp PBGDPL của xã, thị trấn (*kể từ ngày 01/01/2013 – ngày Luật PBGDPL năm 2012 có hiệu lực thi hành, các xã, thị trấn không còn Hội đồng phối hợp PBGDPL, Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm về công tác PBGDPL ở địa phương*); kiện toàn đội ngũ Tuyên truyền viên pháp luật của xã, thị trấn thành lập Tổ hoà giải ở mỗi thôn, làng. Đây là lực lượng nòng cốt, chủ yếu và thường xuyên để triển khai các văn bản pháp luật, đưa các quy định của pháp luật đi vào đời sống nhân dân và cán bộ, công chức của huyện nhà.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

* *Tồn tại, hạn chế:*

- Số lượng ban hành văn bản QPPL trên địa bàn huyện không nhiều, chủ yếu là sao chép lại quy định của cơ quan nhà nước cấp trên; một số văn bản còn có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Hiện nay, ở huyện đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác này còn thiếu và yếu về năng lực; ở cấp xã, đội ngũ làm công tác văn bản cũng chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Việc tuân thủ pháp luật vẫn chưa thật sự nghiêm túc, tình hình tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn huyện vẫn còn xảy ra nhiều.

* *Nguyên nhân:*

- Các dấu hiệu để phân biệt văn bản QPPL với văn bản hành chính thông

thường chưa được quy định rõ ràng, cụ thể trong Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật nên khó khăn trong việc xác định thể thức văn bản.

- Việc xây dựng hệ cơ sở dữ liệu văn bản QPPL của HĐND, UBND để phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL cũng chưa được quy định cụ thể nên khó thực hiện.

- Thủ trưởng một số cơ quan, ban, ngành và UBND các xã ở địa phương chưa thật sự quan tâm đến công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản, còn xem đây là nhiệm vụ của ngành tư pháp do vậy thiếu sự phối hợp đồng bộ trong lĩnh vực công tác này.

- Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản QPPL ở địa phương còn thiếu và yếu về năng lực, hoạt động kiêm nhiệm là chủ yếu nên ít có thời gian để đầu tư nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực công tác này.

- Nhận thức về pháp luật của một bộ phận nhân dân và cán bộ thực thi pháp luật còn hạn chế.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được

a) Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành.

Trong những năm qua, việc thực hiện theo các quy định của Chính phủ, các bộ, ngành về cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước được quan tâm, chỉ đạo; đã ban hành nhiều văn bản đẩy mạnh công tác kiểm soát thủ tục hành chính nói riêng và cải cách thủ tục hành chính nói chung. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông được đẩy mạnh triển khai tại các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

b) Về kiểm soát thủ tục hành chính

- *Về rà soát TTHC:* Hằng năm, UBND huyện thực hiện theo nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch rà soát TTHC của UBND tỉnh.

- *Về cập nhật TTHC:* UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn thường xuyên cập nhật các TTHC mới theo quyết định ban hành của Chủ tịch UBND tỉnh và niêm yết công khai theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, đồng thời, bỏ niêm yết đối với TTHC được sửa đổi, bãi bỏ hoặc thay thế.

- *Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính:* Thực hiện Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn giải quyết TTHC của công dân, tổ chức niêm yết công khai thông tin, địa chỉ cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện, xã và trên Cổng thông tin điện tử huyện.

Về công khai thủ tục hành chính:

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát TTHC, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND

tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Hằng năm, UBND huyện đã ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện niêm yết công khai các TTHC theo quy định.

c) Công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân nghiên cứu, tìm hiểu khi có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính, công tác công khai, minh bạch TTHC đã được các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn quan tâm thực hiện thông qua hình thức niêm yết công khai bằng bảng giấy tại trụ sở cơ quan, đơn vị.

Đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, cấp xã, ngoài việc niêm yết công khai bằng bảng giấy tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, thì 100% TTHC đã được công khai trên Cổng thông tin điện tử huyện góp phần tích cực trong việc đem lại hiệu quả tra cứu tìm hiểu thông tin, tiết kiệm chi phí và thời gian của tổ chức, công dân trong giải quyết thủ tục hành chính.

d) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

Đến nay, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 về việc kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND huyện Đak Pơ (Gọi tắt là Bộ phận Một cửa hiện đại huyện), gồm có 12 công chức, viên chức (Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện phụ trách chung, 01 Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện kiêm nhiệm làm Trưởng Bộ phận), đảm bảo việc tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân khi đến giao dịch đúng theo quy định. Bộ phận Một cửa hiện đại huyện đặt tại Trụ sở làm việc của HĐND và UBND huyện, chịu sự quản lý toàn diện của Văn phòng HĐND và UBND huyện. Việc bố trí, phân công cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả được thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Huyện Đak Pơ đã thực hiện tốt cơ chế một cửa các lĩnh vực: chứng minh nhân dân, đất đai, xây dựng, nhà ở, môi trường, đăng ký kinh doanh, hộ khẩu, hộ tịch. Quy trình giải quyết công việc theo cơ chế một cửa được vận hành tương đối tốt; công khai đầy đủ các thủ tục hành chính. Việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ tại Bộ phận một cửa thực hiện mở sổ theo dõi trên các lĩnh vực và thực hiện các biểu mẫu theo đúng quy định. Đa số hồ sơ trên các lĩnh vực đã được quan tâm giải quyết đúng hạn và trước hạn.

đ) Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4

Đến nay, UBND huyện đã cung cấp 29 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với các thủ tục hành chính thuộc cấp huyện giải quyết (dvcdakpo.gialai.gov.vn, dvc.gialai.gov.vn) gồm:

+ Lĩnh vực Tư pháp: Cấp bản sao trích lục hộ tịch; Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực; Cấp bản sao từ sổ gốc; Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp; Chứng thực chữ ký

người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp.

+ Lĩnh vực Nội vụ: Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị; Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; Tặng danh hiệu thôn, ấp, bản, làng, khu phố văn hóa; Tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến; Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề; Tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về thành tích đột xuất.

+ Lĩnh vực Công thương: Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh; Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh; Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

+ Lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội: Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện; Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện; Giải thể cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

+ Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông: Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy; Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy.

+ Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở; Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc.

+ Lĩnh vực Kế hoạch và đầu tư: Đăng ký thành lập hộ kinh doanh; Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh; Thông báo tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh (tự nguyện); Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh (tự nguyện chấm dứt hoạt động).

+ Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường: Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng.

e) Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích

Trong Quý III/năm 2019, UBND huyện đã làm việc với Bưu điện tỉnh đưa bộ phận một cửa của huyện và bộ phận một cửa cấp xã (thị trấn Đak Pơ và xã Tân An) chuyển giao tiếp nhận và trả kết quả sang Bưu điện huyện. Qua trao đổi UBND huyện thống nhất với việc chuyển giao sau khi UBND tỉnh sơ kết đánh giá việc thực hiện mô hình trên tại các địa phương.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

a) Tồn tại, hạn chế:

- Việc xây dựng và triển khai mô hình cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa và cơ chế một cửa liên thông đã được triển khai thực hiện tại 100% các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn nhưng vẫn còn tình trạng trả kết quả giải quyết trễ hẹn và đề nghị bổ sung hồ sơ nhiều lần; hiện tượng sách nhiễu, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp khi đến liên hệ công tác vẫn còn diễn ra; năng

lực giải quyết công việc của một số cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế; công tác rà soát thủ tục hành chính đã được quan tâm triển khai thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao.

- Công tác cập nhật, rà soát các quy trình ISO theo các thủ tục hành chính mới sửa đổi, bổ sung tại các cơ quan hành chính thuộc huyện đôi lúc chưa chủ động, kịp thời gây khó khăn cho công tác cập nhật các quy trình luân chuyển hồ sơ trên phần mềm Một cửa điện tử.

- Việc cung cấp 29 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với các thủ tục hành chính chưa được tổ chức, cá nhân tham gia.

b) Nguyên nhân:

- Thủ tục hành chính thường xuyên thay đổi nên khó khăn cho việc cập nhật, áp dụng.

- Trình độ, năng lực của một bộ phận công chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đôi lúc còn thiếu tinh thần trách nhiệm, cố tình gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân.

- Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của người dân chưa cao, chưa có thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện

Tổ chức các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện theo đúng quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về việc quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (thay thế Nghị định số 14/2008/NĐ-CP). Hiện tại, có 13 phòng ban chuyên môn. Trên cơ sở, Thông tư liên tịch của các bộ, ngành và văn bản hướng dẫn của tỉnh, UBND huyện đã ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn.

Nhìn chung, các cơ quan trong hệ thống bộ máy hành chính của huyện đã được xác định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, từng bước tăng cường tính chuyên nghiệp trong thực thi công vụ; không ngừng đổi mới phương pháp quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác rà soát, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện luôn được thực hiện theo quy định. Xác định rõ những chức năng, nhiệm vụ có tính tương đồng giữa các cơ quan để phân biệt rõ trách nhiệm quản lý của từng cơ quan, đơn vị, khắc phục hiện tượng chồng chéo, bỏ sót và giải quyết tốt các mối quan hệ phối hợp trong thực hiện các chức năng, nhiệm vụ.

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sau khi cấp thẩm quyền Quyết định phê chuẩn kết quả bầu cử chức danh Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện và cấp xã. UBND huyện và UBND cấp xã ban hành Quy chế làm việc của UBND huyện, UBND xã, thị trấn nhiệm kỳ 2016 - 2021 theo quy định.

Trên cơ sở các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh; UBND huyện đã ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp

hành Trương Đảng (khóa XII) và tổ chức thực hiện kết quả đã giảm 02 đơn vị sự nghiệp công lập, giảm 4 trường công lập, giảm 24 thôn, làng so với trước đạt 100% kế hoạch đề ra. Cụ thể:

- Thực hiện sáp nhập 08 trường học trên địa bàn huyện để giảm số lượng đơn vị, giảm vị trí quản lý và số lượng giáo viên, nhân viên.

- Thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, do huyện quản lý trên cơ sở hợp nhất Trạm Khuyến nông, Trạm Bảo vệ thực vật, Trạm Chăn nuôi và Thú y và chuyển nhiệm vụ định canh - định cư của Phòng Dân tộc, chuyển nhiệm vụ khuyến công của Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

- Thành lập Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện trên cơ sở sáp nhập Trung tâm VH - TT và Đài TT - TH huyện.

- Sáp nhập Trung tâm Dân số - KHHGĐ vào Trung tâm Y tế huyện do Sở Y tế quản lý.

- Sáp nhập thôn, làng, tổ dân phố: Tổng trước khi sáp nhập có 73 thôn, làng, tổ dân phố, sau khi sáp nhập năm 2018 còn 54 thôn, làng, tổ dân phố giảm 19 thôn, làng, tổ dân phố. Năm 2019, sáp nhập còn 49 thôn, làng, tổ dân phố, giảm thêm 05 thôn, làng, tổ dân phố

Việc giao chỉ tiêu biên chế các cơ quan chuyên môn, phân bổ số lượng người làm việc cho các cơ quan đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện thực hiện theo đúng quy định; không sử dụng vượt quá biên chế, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao, đồng thời đảm bảo tỷ lệ tinh giản biên chế hằng năm theo lộ trình quy định.

Ngoài ra, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp cũng đã chủ động xây dựng Quy chế làm việc nhằm cải tiến lề lối làm việc, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu đối với công tác CCHC.

b) Về phân cấp quản lý

Trên cơ sở các quy định của Trung ương, của tỉnh, UBND huyện đã đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền đối với cấp xã, các cơ quan, đơn vị cấp dưới trên các lĩnh vực quản lý như công tác nhân sự, ngân sách, đất đai,... đã góp phần tạo ra những chuyển biến tích cực trong hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước.

UBND huyện đã triển khai thực hiện theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Gia Lai; trên cơ sở đó đã thực hiện phân cấp cho thủ trưởng đơn vị sự nghiệp thực hiện một số quyền về đánh giá, phân loại, nâng lương, phụ cấp thâm niên nghề, khen thưởng, kỷ luật viên chức,...

Thực hiện phân cấp quản lý về nguồn nhân lực, về tài chính (khoản kinh phí chi tiêu cho các cơ quan, đơn vị). Mục tiêu cơ bản của việc phân cấp quản lý là phát huy dân chủ, nâng cao tính chủ động, năng động của các cấp quản lý gắn với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn nhất định. Bên cạnh đó, phân cấp quản lý cũng nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của quản lý hành chính, do đó việc phân cấp quản lý hoạt động hành chính là hết sức quan trọng và cần thiết.

Hàng năm, UBND huyện thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ được phân cấp cho UBND cấp xã, các cơ quan thông qua việc đi cơ sở và họp thành viên UBND huyện mở rộng, ban hành văn bản chỉ đạo. Trên cơ sở đó đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ,

nâng cao hơn nữa kết quả triển khai công việc và bàn giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, khắc phục những tồn tại, hạn chế phát sinh.

c) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện

UBND huyện thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn để có cơ sở đánh giá, xếp loại cuối năm và kịp thời chấn chỉnh những biểu hiện sai phạm nếu có.

Hàng năm, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Nội vụ xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác tổ chức biên chế, công chức, viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện.

d) Cải cách và triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công của cơ quan, địa phương

Thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đối với sự nghiệp công lập, đã tiến hành rà soát, sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, đa ngành, đa lĩnh vực; phân cấp và thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập về tổ chức thực hiện, nhân lực, tài chính... Từ đó có thể bố trí sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với năng lực chuyên môn và yêu cầu của vị trí công tác; sự can thiệp của cơ quan quản lý nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập từng bước giảm dần, tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị chủ động sử dụng nguồn lực tài chính, lao động, cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

đ) Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

- Đối với các đơn vị hành chính cấp huyện: Hiện tại, huyện đã lập Đề án giải thể Phòng Y tế, chuyển chức năng quản lý nhà nước về y tế vào Văn phòng HĐND và UBND huyện, sáp nhập Phòng Dân tộc vào Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Cấp xã: Qua rà soát các tiêu chí, huyện không có đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện phải sắp xếp, sáp nhập.

3.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

a) Tồn tại, hạn chế: Việc sắp xếp lại các phòng chuyên môn chưa đảm bảo tiến độ về thời gian theo kế hoạch đề ra.

b) Nguyên nhân: Chính phủ chậm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 37/2014/NĐ-CP.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức

- Việc thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm tại Quyết định 928/QĐ-UBND và Quyết định 1167/QĐ-UBND của UBND tỉnh. UBND huyện đã ban hành Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp, trên cơ sở đó bố trí viên chức, người lao động phù hợp với vị trí việc làm, đảm bảo biên chế có mặt không vượt so với biên chế được giao. Thực hiện tinh giản biên chế đạt tối thiểu 10% theo kế hoạch.

- Thực hiện chế độ, chính sách cho CBCCVC cấp huyện, cấp xã đảm bảo đúng quy định tại Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành của Trung ương, của tỉnh.

- Thực hiện tuyển dụng; nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo nguyên tắc cạnh tranh; công tác quy hoạch, điều động, luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm đảm bảo quy trình quy định; công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức ngày càng đổi mới, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của tỉnh và thực trạng đội ngũ CBCCVC của huyện, thực hiện rà soát cử CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn ngạch công chức; mục tiêu và nội dung đào tạo, bồi dưỡng gắn với yêu cầu nhiệm vụ và quy hoạch bố trí, sử dụng cán bộ. Từ năm 2010 đến nay, huyện đã cử trên 1.000 lượt CBCCVC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Hiện nay, đa số CBCCVC đã đạt chuẩn theo chức danh, ngạch công chức; đối với một số ít cán bộ chưa đạt chuẩn, huyện đã có kế hoạch tinh giản, không tái cử sau đại hội.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức: Cán bộ, công chức đã thực hiện nghiêm và tổ chức giám sát việc thực hiện quy tắc, chuẩn mực ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa công sở và các quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức khi thi hành công vụ; đẩy mạnh nâng cao năng lực, hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát, thanh tra công vụ, nghiệp vụ nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các sai phạm; tăng cường công tác thi đua, khen thưởng để kịp thời động viên các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ. Từ năm 2010 đến nay, huyện đã quyết định xử lý kỷ luật 05 công chức, 06 viên chức có hành vi vi phạm theo quy định pháp luật; Việc đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng của CBCCVC đều gắn với tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, hạn chế tối đa hồ sơ giải quyết trễ hạn, hàng năm Chủ tịch quyết định khen thưởng cho CCVC hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nêu trên.

b) Về công chức cấp xã

Công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã đã từng bước được nâng cao, quy trình chặt chẽ góp phần tích cực trong việc đánh giá đúng trình độ, năng lực công tác để tham mưu cấp có thẩm quyền phân công, bố trí đúng theo vị trí việc làm và trình độ, chuyên môn được đào tạo. Đồng thời, đội ngũ CBCC cấp xã thời gian qua từng bước được chuẩn hóa đảm bảo vừa có đủ trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, vừa có phẩm chất đạo đức, nhiệt tình công tác nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao trong điều kiện, tình hình mới, cụ thể: Trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức cấp xã được nâng lên rõ rệt cả về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin vào xử lý và năng lực giải quyết công việc, tính đến ngày 31/12/2019: Có 97% cán bộ cấp xã đạt chuẩn; 100% công chức cấp xã đạt chuẩn.

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

a) Tồn tại, hạn chế:

- Đánh giá CBCC ở một số cơ quan, đơn vị còn cảm tính, nể nang do đó khó khăn trong việc quy hoạch và bổ nhiệm.

- Tình trạng CBCC làm không hết việc, chất lượng không cao, lúng túng do thiếu kiến thức chuyên môn ở lĩnh vực kiêm nhiệm, công việc giải quyết thiếu tính khoa học và hiệu quả đang phổ biến.

- Trình độ của CBCC cấp xã tuy phần lớn đã đạt chuẩn nhưng chỉ trên khía cạnh hình thức, vì phần lớn CBCC cấp xã đạt chuẩn là do đi học bổ sung bằng cấp để "trả nợ" cho đạt chuẩn; khả năng ứng dụng tin học còn hạn chế gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động lãnh đạo, quản lý trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay.

b) Nguyên nhân:

- Quy định về tiêu chí đánh giá, xếp loại CBCCVC còn chung chung, thiếu cụ thể.

- Chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng hiện nay chưa cao, một bộ phận CBCCVC đảm bảo tiêu chuẩn bằng cấp quy định nhưng năng lực thực thi công vụ chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; còn vi phạm đạo đức, gây khó khăn, phiền hà cho dân.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện các chính sách thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh, xã hội kịp thời, theo đúng quy định hiện hành, các khoản thuế thu nộp ngân sách nhà nước được trích theo đúng tỷ lệ điều tiết; đảm bảo đầy đủ tiền lương, tiền công cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

b) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước

Chấp hành nghiêm quy trình lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán ngân sách. Tỷ lệ phân bổ được giữ ổn định trong thời kỳ ổn định ngân sách. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách địa phương trên địa bàn huyện cho thời kỳ 2017-2020 là 22 triệu đồng/người/năm (chưa trừ 10% tiết kiệm) cao hơn thời kỳ 2011-2016 là 16,5 triệu đồng/người/năm đối với công chức và 15 triệu đồng/người/năm đối với viên chức (chưa trừ 10% tiết kiệm).

c) Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số- kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao tại cơ quan, địa phương

Số lượng các dự án đầu tư vào lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa được thành lập, cấp giấy phép hoạt động. Trên địa bàn huyện trong giai đoạn 2011-2020 đã khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội thực hiện chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo thông qua công tác xã hội hóa các lớp bán trú của trường Tiểu học, các trường Mẫu giáo. Trong giai đoạn 2011-2020, trên địa bàn huyện đã thành lập được 02 trường mẫu giáo tư thục (Trường mẫu giáo Sao Mai - xã Cư An và Trường mẫu giáo Ánh Dương - thị trấn Đak Pơ); 02 dự án (lĩnh vực thể thao). Xã hội hóa trên lĩnh vực: y tế, dạy nghề hiện nay chưa có.

d) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Các cơ quan, đơn vị được giao quyền tự chủ đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công, làm cơ sở cho việc triển khai, nội dung quy chế của các

đơn vị, tập trung vào việc đề ra các biện pháp tổ chức, tăng cường công tác quản lý cơ quan nhằm sử dụng kinh phí có hiệu quả, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu suất lao động, tăng được thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong giai đoạn 2011-2020 đã tăng dần giao quyền tự chủ cho các cơ quan, đơn vị, đến nay đã giao toàn bộ quyền tự chủ cho các cơ quan, đơn vị

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: (không có).

6. Về hiện đại hóa hành chính

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh: Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử; Cổng dịch vụ công; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm

UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo, các Kế hoạch ứng dụng CNTT theo từng năm nhằm chỉ đạo các cơ quan đơn vị, địa phương tăng cường ứng dụng CNTT vào hoạt động hành chính nói chung và công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị; tăng cường công tác đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trên địa bàn huyện, thực hiện tốt việc tuyên truyền, phổ biến kịp thời các văn bản chỉ đạo về lĩnh vực CNTT; chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời đối với các xã, thị trấn thuộc huyện, các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể triển khai, thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng và phát triển CNTT theo ngành dọc và tại địa phương; đồng thời thường xuyên tham mưu UBND huyện chỉ đạo các cơ quan truyền thông, thông tin văn hóa của huyện tập trung công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò và tầm quan trọng của việc đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập trên địa bàn huyện trong tình hình mới.

b) Kết quả đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin

- Về hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản lý, dữ liệu chuyên ngành, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị:

+ Tổng số máy tính trong các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện là 219 máy, đạt tỷ lệ 01 máy/công chức, viên chức; 100% cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện được trang bị máy scan, chữ ký số phục vụ công tác trao đổi văn bản điện tử.

+ Hiện nay huyện đang đầu tư xây dựng Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tại các xã, thị trấn trực thuộc huyện nhằm phục vụ công tác tổ chức các cuộc họp trực tuyến liên thông từ cấp xã đến huyện, tỉnh, dự kiến hoàn thành trong năm 2020.

+ 08/08 xã, thị trấn có Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, máy scan phục vụ công tác gửi, nhận văn bản, chỉ đạo, điều hành; 08/08 xã, thị trấn có mạng LAN được kết nối internet; bộ phận một cửa tại UBND các xã, thị trấn được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ công tác tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của công dân.

- Về phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị:

Tính đến thời điểm hiện tại, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện có 01 công chức phụ trách về CNTT trình độ đại học; hầu hết cán bộ, công chức, viên chức ở các cơ quan, đơn vị đều có trình độ tin học cơ bản đáp

ứng được yêu cầu nhiệm vụ công tác ứng dụng CNTT. Hàng năm, UBND huyện luôn quan tâm cử công chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

+ Số đơn vị có mạng WAN, LAN, số đơn vị kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước: 100% các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện, Mặt trận Tổ quốc VN huyện và các đoàn thể huyện có mạng LAN (mạng nội bộ) được kết nối internet;

+ Số lượng chữ ký số được cấp cho cán bộ, công chức, viên chức: Tính đến nay, UBND huyện đã triển khai cấp chứng thư số chuyên dùng chính phủ cho 140 cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện. Ứng dụng chữ ký số trong công tác ban hành văn bản tại 100% các cơ quan chuyên môn thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị:

+ 100% cơ quan, ban ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn thực hiện việc trao đổi văn bản điện tử (trong đó văn bản điện tử dạng scan từ văn bản giấy chiếm hơn 80% tổng số văn bản điện tử được trao đổi nội bộ); có ít nhất 50% văn bản, hồ sơ chính thức trình lên UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện để giải quyết công việc ngoài bản giấy đều phải gửi kèm bản điện tử của toàn bộ hồ sơ trình. Số cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc, văn bản, tài liệu đạt trên 80%. Các văn bản điện tử trao đổi giữa UBND huyện và UBND cấp xã đạt trên 80% trong tổng số văn bản giấy được trao đổi. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đảm bảo an toàn thông tin. Đầu tư trang thiết bị CNTT và các thiết bị chuyên dụng phục vụ hoạt động gửi, nhận văn bản điện tử và quản lý, điều hành.

+ 100% cán bộ, công chức và viên chức các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện, 100% cán bộ, công chức UBND cấp xã được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ.

+ Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng ước đạt trên 90%, đã tiến hành triển khai phần mềm giao việc tích hợp trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

- Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; triển khai các hệ thống một cửa điện tử: Đã triển khai xong và đưa vào vận hành Hệ thống Một cửa điện tử tại UBND huyện và UBND cấp xã.

- Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (nêu rõ số dịch vụ cung cấp, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ, số hồ sơ được giải quyết trực tuyến, hiện trạng tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; hiện trạng công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ; ...):

+ Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4: 29 dịch vụ công trực tuyến (mức độ 3: 08, mức độ 4: 21).

+ Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ: 0%

c) Tình hình triển khai hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 900:2008, ISO 900:2015 tại các cơ quan, đơn vị

Thực hiện Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (gọi tắt là: HTQLCL) vào hoạt động của

các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, 13/13 cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, 04/08 xã được xây dựng và công bố HTQLCL phù hợp với Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 và đang thực hiện đúng quy trình. Còn lại 04/08 xã (An Thành, Cur An, Yang Bắc, Hà Tam) đang thực hiện Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Trong đó: UBND huyện đã xây dựng và áp dụng từ tháng 10 năm 2013 (13 cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai - Chi nhánh huyện Đak Pơ), phòng Tư pháp và UBND thị trấn Đak Pơ triển khai xây dựng HTQLCL riêng và áp dụng từ năm 2016, UBND xã Tân An, Phú An, Ya Hội áp dụng năm 2017; Cur An, Yang Bắc, An Thành, Hà Tam triển khai áp dụng năm 2018.

- Hàng năm, các cơ quan, đơn vị áp dụng HTQLCL đều triển khai công tác đánh giá nội bộ, khắc phục những điểm không phù hợp theo đúng quy định; thường xuyên cập nhật các quy trình ISO theo các TTHC mới, sửa đổi, bổ sung để kịp thời đưa vào áp dụng. Công tác tổng hợp, báo cáo hàng năm đều được thực hiện đúng tiến độ theo yêu cầu của cấp trên. Nhìn chung, hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đang áp dụng đáp ứng yêu cầu theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008, 9001:2015.

Ngày 18/02/2020, UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch về xây dựng, chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước huyện Đak Pơ.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

a) Tồn tại, hạn chế:

- Việc đầu tư mua sắm trang thiết bị phần cứng, phần mềm trên địa bàn gặp nhiều khó khăn và chưa đồng bộ; hầu hết các hệ điều hành Windows, phần mềm Microsoft Office sử dụng tại các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đều không có bản quyền, một số trang thiết bị CNTT đã cũ, lạc hậu. Cơ sở vật chất (diện tích phòng làm việc, trang thiết bị như máy tính, máy in, máy photo, trang phục,...), điều kiện làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của một số địa phương chưa đảm bảo theo quy định và chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa sử dụng, vận hành Hệ thống quản lý văn bản và điều hành còn chậm, sai sót.

- Khả năng ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc tại một số đơn vị còn hạn chế, chưa thực sự thoát khỏi thói quen làm việc cũ.

- Việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 9001:2015 (gọi tắt là ISO) đã được triển khai thực hiện nhưng hiệu quả còn hạn chế. Tại một số đơn vị, việc áp dụng tiêu chuẩn ISO còn mang tính hình thức và chậm đổi mới; lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị vẫn chưa thật sự quan tâm đúng mức; sự hiểu biết, thực thi nhiệm vụ của một số cán bộ, công chức, viên chức và sự tham gia, giám sát của nhân dân trong việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước chưa phát huy hiệu quả. Kinh phí cho việc duy trì và mở rộng hệ thống quản

lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào hoạt động cơ quan hành chính còn khó khăn, hạn chế.

b) Nguyên nhân:

- Nguồn kinh phí sử dụng cho chính sách đầu tư công còn hạn chế.
- Một số lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm đến công tác ứng dụng CNTT, đặc biệt là việc sử dụng, vận hành Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ; chưa chủ động bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên để đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị tin học phục vụ công tác ứng dụng CNTT của cơ quan, đơn vị mình.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 huyện Đak Pơ đã nỗ lực xây dựng các kế hoạch, thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác CCHC trong suốt 10 năm qua. Công tác CCHC đã có những chuyển biến tích cực, những kết quả đạt được thể hiện rõ nét trên các nội dung:

- Công tác chỉ đạo, điều hành được cấp ủy đảng, chính quyền triển khai quyết liệt từ huyện tới cấp xã. Bên cạnh việc xây dựng chương trình, kế hoạch, xác định nội dung, nhiệm vụ, đã tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn để phát hiện, ngăn chặn kịp thời các sai phạm nếu có.

- Công tác cải cách thể chế được triển khai hiệu quả, tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, triển khai văn bản quy phạm pháp luật.

- Chất lượng công tác cải cách thủ tục hành chính được nâng lên rõ rệt, công tác kiểm soát thủ tục hành chính chặt chẽ; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức theo hướng công khai, thuận tiện hơn.

- Các cơ quan hành chính hoạt động có hiệu lực, hiệu quả hơn, khắc phục tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ như giai đoạn trước đây.

- Chất lượng đội ngũ CBCCVC được nâng lên rõ rệt, đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

- Công tác quản lý tài chính, ngân sách có nhiều chuyển biến rõ nét; đẩy mạnh phân cấp quản lý ngân sách, giao quyền tự chủ cho các cơ quan, đơn vị góp phần tăng tính chủ động cho cơ sở, hạn chế lãng phí trong sử dụng kinh phí chi thường xuyên.

- Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính được quan tâm đẩy mạnh; đã xây dựng và đưa vào thực hiện bộ phận “Một cửa điện tử” tại UBND huyện và UBND các xã, thị trấn; triển khai ứng dụng phần mềm trong việc tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND huyện và UBND cấp xã. Mạng lưới kết nối thông tin giữa huyện, cấp xã được thông suốt.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo CCHC ở một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự quyết liệt. Trách nhiệm của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát CCHC còn thiếu chủ động, chưa đề ra các giải pháp đổi mới.

- Công tác phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị trong triển khai chưa chặt chẽ, hiệu quả; một số công việc, nhiệm vụ hàng năm của UBND tỉnh giao có năm tiến độ báo cáo còn chậm so với quy định.

- Năng lực thực thi công vụ của một bộ phận CBCCVC còn yếu, đặc biệt ở các xã khó khăn, nhất là năng lực phát hiện vấn đề để tham mưu đề xuất giải quyết kịp thời, còn thiếu tinh thần trách nhiệm, gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, cá nhân.

- Trình độ, khả năng ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc của một số CBCC còn hạn chế, chưa thực sự thoát khỏi thói quen làm việc cũ, chưa tận dụng hết khả năng của hạ tầng CNTT được trang bị.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

- CCHC là nhiệm vụ khó khăn, lâu dài nên đòi hỏi phải có sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là cần tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; phải xác định được nhiệm vụ trọng tâm trong từng giai đoạn và đề ra phương pháp, giải pháp thực hiện tập trung, quyết liệt.

- CCHC thành công hay không là do yếu tố con người quyết định. Do đó, cần đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBCCVC về nội dung, nhiệm vụ và vai trò của CCHC hiện nay, làm tốt công tác tuyển dụng, tiếp nhận và quản lý, sử dụng CBCCVC để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Xem công tác CCHC là nhiệm vụ trọng tâm cần được duy trì, phát triển và đi vào nề nếp; cần có sự thống nhất, phối hợp giữa các cấp, các ngành và sự đồng thuận của CBCCVC và các tầng lớp nhân dân.

- Cần nâng cao năng lực đội ngũ CBCCVC làm công tác CCHC; tăng cường bố trí kinh phí cho CCHC.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác CCHC để ghi nhận, nhân rộng những cách làm hay, hiệu quả, đồng thời để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các sai phạm và đề ra giải pháp đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác CCHC.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2020 - 2030

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm theo từng năm, từng giai đoạn gắn với tình hình, điều kiện của địa phương.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực; gắn trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Về cải cách thể chế

- Chính sách, pháp luật về lĩnh vực kinh tế: Cần hoàn thiện pháp luật về kinh tế trên các lĩnh vực; thị trường; về các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô; trên cơ sở hoàn thiện chế độ sở hữu đối với đất đai; tạo nền tảng pháp lý cho việc thực hiện chính sách nông nghiệp, nông dân và nông thôn, thúc đẩy nền nông nghiệp phát triển; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật về môi trường; sửa đổi, bổ sung pháp luật về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng; thể chế tài chính công; thể chế

kinh tế công, tập trung vào việc định chuẩn, bảo vệ vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện pháp luật về giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, y tế, văn hóa, thông tin, thể thao, dân tộc, tôn giáo, dân số, gia đình, trẻ em và chính sách xã hội:

+ Tiếp tục thể chế hóa quan điểm phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

+ Tiếp tục hoàn thiện, thực hiện chính sách hỗ trợ cải tạo, xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học.

3. Về thủ tục hành chính

- Tăng cường xây dựng và hoàn thiện các hình thức công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính; chú trọng việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý hoặc thẩm quyền giải quyết của huyện; công khai thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và trên trang thông tin điện tử; niêm yết thủ tục hành chính

- Đẩy mạnh cải cách TTHC theo hướng nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tập trung rà soát và đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi các TTHC không phù hợp và đơn giản hóa thành phần hồ sơ, quy trình giải quyết, công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc hiện đại. Áp dụng công nghệ thông tin, ISO 9001:2015 trong xử lý, giải quyết công việc, đảm bảo công việc được giải quyết thông suốt, đáp ứng kịp thời yêu cầu của công dân, tổ chức.

- Thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức tại Trung tâm Hành chính công, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường sự giám sát của người dân và các tổ chức đối với việc giải quyết TTHC của các cơ quan hành chính nhà nước. Đồng thời, tăng cường đối thoại giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp và nhân dân; công khai chuẩn mực, các quy định hành chính để nhân dân, các tổ chức giám sát việc thực hiện.

4. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) sau khi có Nghị định thay thế Nghị định số 37/2014/NĐ-CP.

- Xác định rõ, minh bạch các mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc, điều kiện và chế tài trong thực hiện phân cấp.

- Rà soát, xác định lại vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập để cắt giảm những vị trí việc làm không còn phù hợp.

- Tiếp tục cải cách và triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp.

5. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ CBCCVC có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ; 100% các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp có cơ cấu CBCCVC theo vị trí việc làm được phê duyệt.

- Đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; tạo điều kiện, có chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập và tự học, không ngừng nâng cao trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC theo hướng giảm số lượng, nâng cao chất lượng thực thi công vụ; làm tốt công tác sàng lọc để đưa ra khỏi bộ máy các cơ quan nhà nước những người không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

6. Về tài chính công

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ đối với các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đối với cơ quan hành chính, sự nghiệp. Thực hiện dân chủ hóa, công khai minh bạch về tài chính công, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm góp phần nâng cao trách nhiệm, hiệu quả sử dụng tài sản, kinh phí từ ngân sách nhà nước.

- Tăng cường, khuyến khích có hướng hỗ trợ các Doanh nghiệp, Hợp tác xã đầu tư trên địa bàn huyện.

7. Về hiện đại hóa hành chính

- Tiếp tục phát triển đồng bộ và song hành việc ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính.

- Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Tăng cường vai trò của tổ chức, công dân tham gia vào công tác cải cách hành chính và giám sát chất lượng cải cách hành chính.

- Chấm dứt tình trạng sử dụng song song văn bản giấy và các văn bản điện tử tại các cơ quan, địa phương (chỉ sử dụng văn bản điện tử, trừ văn bản mật theo quy định).

- Tiếp tục nâng cấp phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại cơ quan, đơn vị, đi đôi với việc đảm bảo đáp ứng các quy định về nghiệp vụ văn thư, lưu trữ điện tử trong tình hình mới.

- Tiếp tục rút ngắn thời gian họp và xử lý công việc, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống Hội nghị trực tuyến, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Phần mềm giao việc. Giao dịch với cơ quan tài chính bằng chứng thư số và phương pháp chứng thực số.

- Đẩy mạnh việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành, tập trung thống nhất của cơ quan hành chính các cấp.

Phần thứ ba
NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ

Sớm ban hành các Nghị định:

- Nghị định quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (thay thế Nghị định số 37/2014/NĐ-CP);
- Nghị định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức (thay thế Nghị định số 24/2010/NĐ-CP, Nghị định số 06/2010/NĐ-CP);
- Nghị định về kỷ luật CBCCVC (thay thế Nghị định số 34/2011/NĐ-CP, Nghị định số 27/2012/NĐ-CP);
- Nghị định quy định về chế độ tiền lương mới đối với CBCCVC (thay thế Nghị định 204/2004/NĐ-CP).

2. Đề xuất Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ

- Hướng dẫn, quy định cụ thể danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực tại chính quyền địa phương theo quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.
- Đề nghị Bộ Tài chính xem xét có quy định tiếp tục hỗ trợ chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
- Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục chuẩn hóa các quy trình nội bộ, quy trình điện tử và thực hiện tốt việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa; thường xuyên rà soát, chuẩn hóa dữ liệu thủ tục hành chính và tích hợp, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của các cấp chính quyền.

Trên đây là kết quả triển khai thực hiện công tác CCHC Nhà nước giai đoạn 2011-2020 và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2030 của huyện Đak Pô báo cáo Sở Nội vụ, UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./. *sh*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- L/đ UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các đoàn thể huyện;
- Các cơ quan chuyên môn;
- Các đơn vị sự nghiệp;
- UBND các xã, thị trấn;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu VT, NV. *sh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K. CHỦ TỊCH


NGHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Trọng Thủy



Phụ lục 1
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu	Thống kê					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành						
	- Văn bản của Huyện/Huyện ủy	05	07	06	07	08	01
	- Văn bản của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện	12	15	19	20	23	05
2	Số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC	0	0	8	8	8	0
3	Tuyên truyền CCHC						
-	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC (Có tổ chức = 1; Không tổ chức = 0)	0	0	0	0	1	0
-	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài PT-TH tỉnh	16	16	16	27	16	03
-	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC	0	0	0	0	1	0
-	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Cổng TTĐT của tỉnh (Có xây dựng = 1; Không xây dựng = 0)	1	1	1	1	1	1
-	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có).	0	0	0	0	0	0
4	Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng	0	0	0	0	0	0
5	Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CCHC các cơ quan, đơn vị						
-	Bộ tiêu chí đánh giá sở, ngành	-	-	-	-	-	-
-	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp huyện	-	-	-	-	-	-
-	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp xã	-	-	-	-	-	-
-	Bộ tiêu chí đánh giá cơ quan ngành dọc tại địa phương	-	-	-	-	-	-
6	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức						
-	Số lượng dịch vụ đã khảo sát	-	-	-	-	-	-
-	Số lượng mẫu đã khảo sát	-	-	-	-	-	-
-	Mức độ hài lòng chung	-	-	-	-	-	-

th



Phụ lục 2
Thống kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế của huyện

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí	Thống kê					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành	05	09	0	0	01	0
	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện	03	0	0	0	0	0
	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	02	09	0	0	01	0
	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã	16	0	0	0	0	0
	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã	0	0	0	0	0	0
2	Số VBQPPL được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới sau rà soát	16	23	06	05	0	0
3	Số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát	05	17	01	05	0	0
4	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	16	0	0	0	0	0
5	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền	0	0	0	0	0	0
6	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý	0	0	0	0	0	0
7	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật	0	0	0	0	0	0

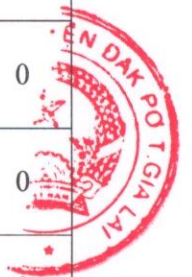
Handwritten signature/initials in blue ink.

Phụ lục 3
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính của huyện

STT	Chỉ tiêu	Thống kê					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tổng số TTHC của huyện	345	345	522	460	478	490
-	Số lượng TTHC cấp huyện	184	184	300	282	318	323
-	Số lượng TTHC cấp xã	161	161	222	178	160	167
-	Số TTHC do tỉnh ban hành (được giao trong Luật)	0	0	0	0	0	0
2.	Số TTHC được đơn giản hóa sau rà soát (theo thẩm quyền của tỉnh, như: giảm thời gian giải quyết...)	0	0	0	0	0	0
3.	Số lượng thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/ Trang Thông tin điện tử	345	345	522	460	478	490
4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông						
-	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện	118	118	300	242	318	323
-	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã	161	161	221	178	160	167
-	Số lượng TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông cùng cấp	345	345	522	460	478	490
-	Số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	0	0	23	23	23	23
-	Số TTHC đã thực hiện 4 tại						

th

STT	Chỉ tiêu	Thống kê					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
	chỗ						
5.	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC						
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp huyện giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)	85%	96%	95%	98%	100%	100%
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
6.	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC	0	0	0	0	0	0
-	Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm	0	0	0	0	0	0
-	Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm	0	0	0	0	0	0
-	Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Cổng TTĐT	0	0	0	0	0	0



sh

Phụ lục 4

Thông kê và so sánh số lượng tổ chức thuộc huyện
(Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019)

II. Số lượng, cơ cấu tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tỉnh, thành phố	Giai đoạn	Số UBND cấp huyện	Số phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Số văn phòng, thanh tra thuộc UBND cấp huyện	Số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	Ghi chú
	Giai đoạn 2001-2010 (Tính đến 12/2010)	-	13	2	12	
	Giai đoạn 2011-2020 (Tính đến 12/2019)	-	13	2	6	

III. Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập phân theo các lĩnh vực

Tỉnh, thành phố	Giai đoạn	Sự nghiệp GD-ĐT			Sự nghiệp y tế			Sự nghiệp VH, TDTT			Sự nghiệp khác		
		Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQ chuyên môn cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện	Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQ chuyên môn cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện	Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQ chuyên môn cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện	Thuộc UBND cấp tỉnh	Thuộc CQ chuyên môn cấp tỉnh	Thuộc UBND cấp huyện
	Giai đoạn 2001-2010 (Tính đến 12/2010)	-	-	24+01	-	-	2	-	-	2	-	-	7
	Giai đoạn 2011-2020 (Tính đến 12/2019)	-	-	20+01	-	-	-	-	-	1	-	-	4

shu

Phụ lục 5
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của huyện

STT	Chỉ tiêu	Thống kê					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tổng số biên chế cán bộ, công chức						
-	Tổng số được giao	89	85	86	85	83	80
-	Tổng số có mặt	86	87	84	75	74	74
2.	Tổng số biên chế viên chức						
-	Tổng số được giao	651	648	637	589	622	Chưa giao
-	Tổng số có mặt	613	644	598	577	580	574
3.	Số công chức được tuyển dụng theo hình thức thi cạnh tranh	0	0	0	0	0	0
4.	Số công chức được bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thông qua thi tuyển cạnh tranh	0	0	0	0	0	0
5.	Số lượng cán bộ, công chức được tinh giản biên chế	-	1	-	1	1	-
6.	Số lượng công chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm	21	17	24	26	21	-
7.	Số lượng viên chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm	1	4	7	13	15	-
8.	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng	10	11	11	15	13	-

th

Phụ lục 6
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tài chính công của huyện



STT	Chỉ tiêu	Thống kê					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ	19	19	19	19	19	19
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ						
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	-	-	-	-	-	-
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	-	-	-	1	1	1
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	2	1	1	1	2	2
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên	9	9	27	28	24	24

ph

Phụ lục 7
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực hiện đại hóa hành chính của huyện

STT	Chỉ tiêu	Thống kê					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tỷ lệ văn bản hành chính được trao đổi dưới dạng điện tử	50%	70%	80%	90%	100%	100%
2.	Số đơn vị kết nối Trục liên thông VBQG	0	0	0	0	0	0
3.	Số lượng văn bản nhận trên Trục liên thông VBQG	0	0	0	0	0	0
4.	Số lượng văn bản gửi trên Trục liên thông VBQG	0	0	0	0	0	0
5.	Số lượng chữ ký số	0	0	21	29	169	169
6.	Tỷ lệ công chức có hộp thư điện tử	50%	60%	70%	100%	100%	100%
7.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	1	1	1	1	1	1
8.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	1	1	1	1	1	1
9.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện có Cổng/Trang Thông tin điện tử	1	1	1	1	1	1
10.	Số dịch vụ công trực	0	0	0	37	29	29

STT	Chỉ tiêu	Thống kê					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
	tuyển mức độ 3, mức độ 4						
11.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ	0	0	0	0	0	0
12.	Số đơn vị xây dựng, sử dụng phần mềm một cửa điện tử	1	1	3	5	9	9
13.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử						
14.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã có bản Công bố ISO						



Handwritten signature

Phụ lục 8
Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính nhà nước của huyện giai đoạn 2011-2020

STT	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
1.	Thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức được cải cách cơ bản theo hướng gọn nhẹ, đơn giản; mỗi năm đều có tỷ lệ giảm chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước	
2.	Thủ tục hành chính được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80% vào năm 2020	
3.	Sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị để không còn sự chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn	Đạt
4.	Chuyển giao những công việc mà cơ quan hành chính nhà nước không nên làm hoặc làm hiệu quả thấp cho xã hội, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận	
5.	Sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt mức trên 80% vào năm 2020	
6.	Sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2020	
7.	Đội ngũ công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước; 100% các cơ quan, đơn vị có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm;	Đạt
8.	Đến năm 2020: 90% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử; cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong các cơ quan; hầu hết các giao dịch của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, mọi lúc, mọi nơi, dựa trên các ứng dụng truyền thông đa phương tiện; hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến trên Mạng thông tin điện tử hành chính ở mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau	Không đạt ở tiêu chí: “hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến (DVCTT) trên Mạng thông tin điện tử hành chính ở mức độ 3 và 4” vì DVCTT mức độ phải thực hiện theo KH 2575 ngày 18/11/2019 của UB tỉnh, (riêng DVCTT mức độ 4 áp dụng như nhau cho UBND cấp huyện trên phạm vi toàn tỉnh)
9.	20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống	Không đạt

STT	Các mục tiêu cải cách	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
	thông tin Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cơ quan	(nội dung này liên quan đến việc cung cấp DVCTT mức độ 3, 4, khi chưa phát sinh hồ sơ thì chưa có thông tin định danh điện tử của người dân và doanh nghiệp)
10.	100% phần mềm quản lý văn bản và điều hành của các bộ, ngành được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử; tối thiểu 80% hồ sơ công việc tại cấp bộ, cấp tỉnh, 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	Đạt
11.	Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.	Đạt
12.	100% cơ quan kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	Đạt



th